|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC  TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  TP. HỒ CHÍ MINH  **PHÒNG……** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Số: /BC-……………………*TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2020*

**BÁO CÁO  
kết quả khảo sát lấy ý kiến phản hồi của cựu sinh viên**

**về tình hình việc làm và chất lượng đào tạo tại trường, năm học…….**

Kính gửi: Ban Giám hiệu;

Phòng Khảo thí, Đảm bảo chất lượng và Thanh tra giáo dục.

Căn cứ Kế hoạch số 648/KH-TĐHTPHCM ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về việc tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan;

Căn cứ kết quả khảo sát ý kiến phản hồi của cựu sinh viên về tình hình việc làm và chất lượng đào tạo tại trường, Phòng….. báo cáo kết quả tổng hợp ý kiến phản hồi của cựu sinh viên như sau:

**I. Mục đích khảo sát**

     Thăm dò ý kiến của cựu sinh viên về tình hình việc làm và chất lượng đào tạo tại trường nhằm nâng cao chất lượng dạy và học tại Nhà trường;

**II. Quá trình thực hiện**

***1. Đối tượng và phạm vi khảo sát***

 – Cựu sinh viên đại học hệ chính quy các khóa……

 – Số lượng cựu sinh viên tham gia khảo sát:………

***2. Phương pháp***

- Việc lấy ý kiến phản hồi cựu sinh viên về tình hình việc làm và chất lượng đào tạo tại trường được thực hiện bằng phiếu lấy ý kiến theo thang đo Likert (phần III) với 05 mức độ: 1. Rất không đồng ý, 2. Không đồng ý, 3. Phân vân, 4. Đồng ý, 5. Hoàn toàn đồng ý.

- Khảo sát ý kiên trực tuyến bằng Google Drive: <https://bom.to/GmJsoZE>

***3. Thời gian khảo sát:*** từ……đến……

**III. Kết quả khảo sát**

1. ***Số lượng đối tượng tham gia khảo sát của đơn vị***

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Ngành** | **Số lượng đối tượng tham gia khảo sát** | **Số lượng phiếu khảo sát thu được** | **Số lượng phiếu khảo sát hợp lệ (không bỏ trống, không làm sót câu hỏi,…)** |
| 1 | Công nghệ Kỹ thuật Môi trường |  |  |  |
| 2 | Quản lý tài nguyên và Môi trường |  |  |  |
| 3 | Kỹ thuật cấp thoát nước |  |  |  |
| 4 | Quản lý đất đai |  |  |  |
| 5 | Khí tượng và Khí hậu học |  |  |  |
| 6 | Thủy văn học |  |  |  |
| 7 | Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững |  |  |  |
| 8 | Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ |  |  |  |
| 9 | Quản trị kinh doanh |  |  |  |
| 10 | Kinh tế tài nguyên thiên nhiên |  |  |  |
| 11 | Hệ thống thông tin |  |  |  |
| 12 | Công nghệ thông tin |  |  |  |
| 13 | Địa chất học |  |  |  |
| 14 | Quản lý tài nguyên khoáng sản |  |  |  |
| 15 | Kỹ thuật Tài nguyên nước |  |  |  |
| 16 | Quản lý tổng hợp tài nguyên nước |  |  |  |
| 17 | Quản lý Tài nguyên và Môi trường Biển đảo |  |  |  |

***2. Kết quả đánh giá theo các tiêu chí trong phiếu khảo sát***

*2.1. Thời gian học của cựu sinh viên đến khi tốt nghiệp tại trường*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Thời gian học** | **Tỷ lệ (%) (số lựa chọn/tổng số sinh viên làm khảo sát x 100)** |
| 1 | < 4 năm |  |
| 2 | 4 năm |  |
| 3 | 5 năm |  |
| 4 | > 5 năm |  |

*2.2. Thời gian tìm được việc làm của cựu sinh viên (tính từ thời điểm tốt nghiệp)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Thời gian tìm được việc làm** | **Tỷ lệ (%) (số lựa chọn/tổng số sinh viên làm khảo sát x 100)** |
| 1 | < 6 tháng |  |
| 2 | 6 – 12 tháng |  |
| 3 | > 12 tháng |  |
| 4 | Chưa tìm được việc |  |
| 5 | Đang học nâng cao |  |

*2.3. Về mục tiêu và chương trình đào tạo*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Tỷ lệ phần trăm (số lựa chọn/tổng số sinh viên làm khảo sát x 100)** | | | | |
| *Rất không đồng ý* | *Không đồng ý* | *Phân vân* | *Đồng ý* | *Hoàn toàn đồng ý* |
| 1 | Ngành học có mục tiêu rõ ràng và phù hợp với yêu cầu xã hội |  |  |  |  |  |
| 2 | Chương trình đào tạo mềm dẻo, tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên |  |  |  |  |  |
| 3 | Nội dung chương trình đào tạo có khối lượng vừa phải |  |  |  |  |  |
| 4 | Tỷ lệ phân bố giữa lý thuyết và thực hành hợp lý |  |  |  |  |  |
| 5 | Sinh viên được cung cấp đủ thông tin về chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo |  |  |  |  |  |

Đánh giá chung:

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

*2.4. Về đội ngũ giảng viên*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Tỷ lệ phần trăm (số lựa chọn/tổng số sinh viên làm khảo sát x 100)** | | | | |
| *Rất không đồng ý* | *Không đồng ý* | *Phân vân* | *Đồng ý* | *Hoàn toàn đồng ý* |
| 1 | Hầu hết các giảng viên có kiến thức chuyên môn tốt |  |  |  |  |  |
| 2 | Hầu hết các giảng viên cập nhật nội dung giảng dạy mới, phù hợp với thực tiễn |  |  |  |  |  |
| 3 | Hầu hết các giảng viên có phương pháp sư phạm tốt |  |  |  |  |  |
| 4 | Hầu hết các giảng viên đều nhiệt tình, sẵn sàng giúp đỡ sinh viên |  |  |  |  |  |
| 5 | Hầu hết các giảng viên đảm bảo giờ lên lớp và kế hoạch giảng dạy |  |  |  |  |  |
| 6 | Sinh viên được giảng viên cung cấp/giới thiệu đầy đủ các tài liệu học tập và tham khảo |  |  |  |  |  |

Đánh giá chung:

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

*2.5. Về kiểm tra, đánh giá*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Tỷ lệ phần trăm (số lựa chọn/tổng số sinh viên làm khảo sát x 100)** | | | | |
| *Rất không đồng ý* | *Không đồng ý* | *Phân vân* | *Đồng ý* | *Hoàn toàn đồng ý* |
| 1 | Sử dụng đa dạng hóa các hình thức thi, kiểm tra đánh giá môn học |  |  |  |  |  |
| 2 | Các kỳ thi, kiểm tra đánh giá đảm bảo tính nghiêm túc, khách quan |  |  |  |  |  |
| 3 | Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập được thiết kế rõ ràng, phù hợp |  |  |  |  |  |

Đánh giá chung:

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

*2.6. Về đáp ứng của chương trình đào tạo*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Tỷ lệ phần trăm (số lựa chọn/tổng số sinh viên làm khảo sát x 100)** | | | | |
| *Rất không đồng ý* | *Không đồng ý* | *Phân vân* | *Đồng ý* | *Hoàn toàn đồng ý* |
| 1 | Chương trình đào tạo đáp ứng được các mục tiêu của ngành đào tạo |  |  |  |  |  |
| 2 | Chương trình đào tạo cung cấp cho sinh viên đầy đủ những kiến thức cần thiết cho nghề nghiệp, cập nhật |  |  |  |  |  |
| 3 | Chương trình đào tạo cung cấp cho sinh viên đầy đủ những kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp |  |  |  |  |  |
| 4 | Quy trình xây dựng, phát triển và cải thiện chương trình đào tạo (các môn học) của nhà trường/khoa phù hợp |  |  |  |  |  |
| 5 | Chương trình đào tạo giúp sinh viên phát triển nhân cách, đạo đức nghề nghiệp |  |  |  |  |  |
| 6 | Chương trình đào tạo cung cấp cho sinh viên khả năng nghiên cứu cần thiết cho nghề nghiệp |  |  |  |  |  |
| 7 | Sinh viên tự tin về khả năng đáp ứng các yêu cầu của nghề nghiệp |  |  |  |  |  |

Đánh giá chung:

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

*2.7. Về quản lý và phục vụ đào tạo*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Tỷ lệ phần trăm (số lựa chọn/tổng số sinh viên làm khảo sát x 100)** | | | | |
| *Rất không đồng ý* | *Không đồng ý* | *Phân vân* | *Đồng ý* | *Hoàn toàn đồng ý* |
| 1 | Công tác tổ chức đào tạo của Khoa, Trường tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên |  |  |  |  |  |
| 2 | Sinh viên được cung cấp/phổ biến đầy đủ về các quy chế, quy định của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường |  |  |  |  |  |
| 3 | Đào tạo theo hệ thống tín chỉ tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên học tập linh hoạt |  |  |  |  |  |
| 4 | Kết quả học tập của sinh viên được thông báo chính xác, kịp thời |  |  |  |  |  |
| 5 | Hệ thống cố vấn, tư vấn, hỗ trợ quá trình học tập đáp ứng nhu cầu sinh viên |  |  |  |  |  |
| 6 | Khoa/Trường có các hoạt động tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho sinh viên |  |  |  |  |  |
| 7 | Cán bộ nhân viên văn phòng có thái độ phục vụ tốt với sinh viên |  |  |  |  |  |
| 8 | Thư viện có đầy đủ tài liệu học tập và tham khảo cho hầu hết các môn học |  |  |  |  |  |
| 9 | Phòng học, phòng thực hành, phòng thí nghiệm đáp ứng nhu cầu sinh viên |  |  |  |  |  |
| 10 | Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học đáp ứng nhu cầu của sinh viên |  |  |  |  |  |
| 11 | Hệ thống máy tính, mạng internet, wifi của Trường đáp ứng nhu cầu của sinh viên |  |  |  |  |  |

Đánh giá chung:

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

*2.8. Về sinh hoạt và đời sống*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Tỷ lệ phần trăm (số lựa chọn/tổng số sinh viên làm khảo sát x 100)** | | | | |
| *Rất không đồng ý* | *Không đồng ý* | *Phân vân* | *Đồng ý* | *Hoàn toàn đồng ý* |
| 1 | Sinh viên được đảm bảo các chế độ chính sách xã hội, y tế và an toàn, an ninh trong khuôn viên trường |  |  |  |  |  |
| 2 | Sinh viên được tạo điều kiện hoạt động phong trào, luyện tập văn nghệ, thể dục thể thao |  |  |  |  |  |
| 3 | Khoa/Trường thường xuyên tuyên truyền, rèn luyện chính trị, tư tưởng, đạo đức và lối sống lành mạnh cho sinh viên |  |  |  |  |  |
| 4 | Nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu ăn, ở và sinh hoạt của sinh viên |  |  |  |  |  |
| 5 | Các hoạt động Đoàn, Hội có tác dụng tốt, thiết thực |  |  |  |  |  |

Đánh giá chung:

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

*2.9. Đánh giá chung của cựu sinh viên về chất lượng đào tạo so với yêu cầu của công việc thực tế/kỳ vọng của bản thân (về kiến thức, thái độ và kỹ năng)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Đánh giá** | **Tỷ lệ (%) (số lựa chọn/tổng số sinh viên làm khảo sát x 100)** |
| 1 | Rất hài lòng |  |
| 2 | Hài lòng |  |
| 3 | Tạm hài lòng |  |
| 4 | Không hài lòng |  |

*2.10. Đánh giá chung của cựu sinh viên về chất lượng môi trường học tập và sinh hoạt tại Trường*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Đánh giá** | **Tỷ lệ (%) (số lựa chọn/tổng số sinh viên làm khảo sát x 100)** |
| 1 | Rất hài lòng |  |
| 2 | Hài lòng |  |
| 3 | Tạm hài lòng |  |
| 4 | Không hài lòng |  |

*2.11. Đánh giá của cựu sinh viên về những môn học trong chương trình đào tạo xét thấy cần phải điều chỉnh? (xuất phát từ yêu cầu công việc thực tế của cựu sinh viên)*

- Môn học không cần thiết:

……………………………………………………………………………………………

- Môn học cần giảm bớt thời lượng:

……………………………………………………………………………………………

- Môn học cần tăng thêm thời lượng:

……………………………………………………………………………………………..

- Môn học bổ sung mới:

*………………………………………………………………………………………………………..*

*2.12. Nhu cầu của cựu sinh viên về việc tiếp tục học sau đại học tại trường sau khi tốt nghiệp*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nhu cầu** | **Tỷ lệ (%) (số lựa chọn/tổng số sinh viên làm khảo sát x 100)** |
| 1 | Có |  |
| 2 | Không |  |

*2.13. Về việc tham gia hoạt động cựu sinh viên của trường*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tham gia** | **Tỷ lệ (%) (số lựa chọn/tổng số sinh viên làm khảo sát x 100)** |
| 1 | Có |  |
| 2 | Không |  |

*2.14. Đánh giá của cựu sinh viên về điều không hài lòng nhất về Trường*

*……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*

*2.15. Ý kiến đóng góp của cựu sinh viên về giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội của Khoa/Trường*

*…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………*

*2.16. Đánh giá của cựu sinh viên về hoạt động và hiệu quả của các cơ chế phản hồi ý kiến của Nhà trường hiện nay (đường dây nóng, đoàn thanh niên, hội sinh viên, gmail, confessions…)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Đánh giá** | **Tỷ lệ (%) (số lựa chọn/tổng số sinh viên làm khảo sát x 100)** |
| 1 | Rất hài lòng |  |
| 2 | Hài lòng |  |
| 3 | Tạm hài lòng |  |
| 4 | Không hài lòng |  |

***3. Phân tích nguyên nhân dẫn đến các tiêu chí có kết quả đánh giá tốt***

***4. Phân tích nguyên nhân dẫn đến các tiêu chí có kết quả đánh giá không tốt***

**IV. Kết luận, đề xuất**

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

**TP. PHÒNG………..**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*